

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẾ SƠN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2022/DS-ST**

Ngày: 29/9/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Trương Thị Sen.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Xuân Phong;
2. Bà Mai Thị Thuý Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam** tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa sơ thẩm số 142/TB-TA ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty TNHH Mua bán nợ G; địa chỉ: tầng 1 và 2, tòa nhà PVL T, số 5 đường D1, phường L, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh Nguyễn Anh C, sinh năm 1989, chức vụ: chuyên viên tổ tụng của Công ty Luật TNHH MTV S; địa chỉ: số 89 H, phường X, quận L, thành phố Đ. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

**2. Bị đơn:** chị Lê Thị Kiều O, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn T, xã P, huyện S, tỉnh N. *Vắng mặt.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/05/2022, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* vào ngày 29/03/2017, chị Lê Thị Kiều O ký hợp đồng tín dụng số 20170405-0000093 với Công ty tài chính TNHH V (gọi tắt là FC) vay số tiền 21.100.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, chị O có trách nhiệm thanh toán số tiền 32.368.531 đồng (gồm gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.348.689 đồng, tháng cuối cùng trả 1.348.684 đồng, bắt đầu từ ngày 04/5/2017. Thực hiện hợp đồng, chị O đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho FC 01 lần với số tiền đã trả là 1.348.000 đồng. Kể từ ngày 10/6/2017, chị O không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Ngày 28/12/2018, khoản nợ của chị O đã được FC chuyển nhượng cho Công ty TNHH Mua bán nợ G theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-CEO-18-0006. Nay Công ty TNHH Mua bán nợ G yêu cầu Tòa án buộc chị O trả một lần cho Công ty toàn bộ số tiền nợ còn lại là 31.020.531 đồng, trong đó nợ gốc là 20.543.250 đồng và nợ lãi tính đến ngày 04/4/2019 là 10.477.281 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị O, nhưng chị O vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về tố tụng: chị Lê Thị Kiều O cư trú tại thôn T, xã P, huyện S, tỉnh N. Nguyên đơn nhận chuyển nhượng khoản nợ từ FC, do đó nguyên đơn kế thừa quyền và nghĩa vụ của FC. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị O trả tổng số tiền 31.020.531 đồng, vì vậy quan hệ pháp luật giải quyết là “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng: hợp đồng tín dụng số 20170405-0000093 ngày 29/3/2017, được ký kết trên cơ sở tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo hợp đồng tín dụng số 20170405-0000093 ngày 29/3/2017, chị O vay của FC số tiền 21.100.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 3.75%/tháng, trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.348.689 đồng, tháng cuối cùng trả 1.348.684 đồng, bắt đầu từ ngày 04/5/2017. Tuy nhiên, đến nay chị O mới trả được tổng số tiền 1.348.000 đồng, bao gồm nợ gốc và nợ lãi. Kể từ ngày 10/6/2017, chị O không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào. Như vậy, chị O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, Công ty TNHH Mua bán nợ G khởi kiện yêu cầu chị O trả một lần tổng số tiền nợ còn lại là 31.020.531 đồng, trong đó nợ gốc là 20.543.250 đồng và nợ lãi 10.477.281 đồng tính đến ngày 04/4/2019 là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị O có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ G tổng số tiền 31.020.531 đồng, trong đó nợ gốc là 20.543.250 đồng và nợ lãi 10.477.281 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị O phải chịu quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy

định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Mua bán nợ G về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

1. Chị Lê Thị Kiều O có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ G tổng số tiền 31.020.531 (*ba mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn năm trăm ba mươi một*) đồng, trong đó nợ gốc là 20.543.250 đồng và nợ lãi 10.477.281 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, chị O còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị O phải chịu là 1.551.000 (*Một triệu năm trăm năm mươi một nghìn*) đồng. Trả lại cho Công ty TNHH Mua bán nợ G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 775.000 (*Bảy trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004726 ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Sen**